

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Kế toán tài chính doanh nghiệp - 1104025

Mã lớp học phần: 110402503

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hồng Anh

Ngày thi: 12/12/2014

Giờ thi: 07h30

Phòng thi: A1.9

Giám thị 1: Q. Minh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: P. Trú Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: L. Văn Ký tên: [Signature]

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1110090031	Nguyễn Bá Công		17/05/1993	<u>[Signature]</u>		✓		C13QT1	Nợ HP
2	1210090253	Đặng Diệp linh Đan		29/10/1994	<u>[Signature]</u>		7,5	Bảy năm	C14QT3	
3	1210090249	Nguyễn Bá Đại		24/03/1994	<u>[Signature]</u>		6,0	Sáu không	C14QT3	
4	1210090250	Nguyễn Thành Đạt		12/07/1994	<u>[Signature]</u>		5,0	Năm không	C14QT3	
5	1210090315	Nguyễn Ngọc Điền		05/09/1993	<u>[Signature]</u>		6,0	Sáu không	C14QT3	
6	1210090317	Phan Thị Đình Điền		13/10/1994	<u>[Signature]</u>		6,5	Sáu năm	C14QT3	
7	1210090318	Võ Đình		20/09/1994	<u>[Signature]</u>		6,0	Sáu không	C14QT3	
8	1210090319	Từ Thị Diệp		20/08/1993	<u>[Signature]</u>		7,0	Bảy không	C14QT3	
9	1210090320	Nguyễn Nhã Đình		10/09/1994	<u>[Signature]</u>		5,5	Năm năm	C14QT3	
10	1210090323	Lê Tấn Bảo Định		26/11/1994	<u>[Signature]</u>		6,0	Sáu không	C14QT3	
11	1210090322	Trần Đặng Phương Đông		25/08/1992	<u>[Signature]</u>		3,5	Ba năm	C14QT3	
12	1210090321	Trần Minh Đông		20/10/1994	<u>[Signature]</u>		1,0	Một không	C14QT3	
13	1210090324	Trần Thành Được		31/05/1993	<u>[Signature]</u>		1,0	Một không	C14QT3	
14	1210090328	Đỗ Tài Đức		06/02/1994	<u>[Signature]</u>		3,5	Ba năm	C14QT3	
15	1110140047	Nguyễn Lê Giang		24/03/1993	<u>[Signature]</u>		✓		C13TC1	Nợ HP
16	1210090241	Trần Tuyết Hạnh		14/06/1994	<u>[Signature]</u>		6,0	Sáu không	C14QT3	Nợ HP
17	1210090242	Ngô Thị Hoài Liên		05/07/1994	<u>[Signature]</u>		5,5	Năm năm	C14QT3	
18	1210090244	Thạch Ngọc Minh		16/04/1993	<u>[Signature]</u>		7,5	Bảy năm	C14QT3	
19	1210090246	Nguyễn Mỹ Thúy Mơ		22/05/1994	<u>[Signature]</u>		6,5	Sáu năm	C14QT3	
20	1210090252	Phạm Hoài Nam		16/04/1994	<u>[Signature]</u>		7,0	Bảy không	C14QT3	
21	1210090256	Bùi Thị Tuyết Ngân		26/03/1993	<u>[Signature]</u>		7,5	Bảy năm	C14QT3	
22	1210090257	Lê Thị Bích Ngân		07/01/1994	<u>[Signature]</u>		✓			Nợ HP
23	1210090260	Nguyễn Thị Thùy Ngân		18/04/1994	<u>[Signature]</u>		8,0	Sáu không	C14QT3	
24	1210090261	Nguyễn Tuyết Ngân		17/01/1993	<u>[Signature]</u>		7,0	Bảy không	C14QT3	
25	1210090262	Phan Diệu Giang Ngân		26/10/1994	<u>[Signature]</u>		3,0	Ba không	C14QT3	
26	1210090263	Trần Hoàng Tổ Ngân		20/04/1994	<u>[Signature]</u>		✓		C14QT3	
27	1210090264	Trần Thị Ngân		29/06/1993	<u>[Signature]</u>		5,5	Năm năm	C14QT3	
28	1210090265	Trần Thị Thúy Ngân		10/11/1994	<u>[Signature]</u>		8,0	Tám không	C14QT3	
29	1210090267	Dương Văn Nghĩa		20/04/1994	<u>[Signature]</u>		5,5	Năm năm	C14QT3	
30	1210090268	Hoàng Thị Thùy Ngọc		17/08/1993	<u>[Signature]</u>		4,5	Bốn năm	C14QT3	
31	1210090269	Lê Thị Ngọc		06/11/1993	<u>[Signature]</u>		4,0	Bốn không	C14QT3	
32	1210090270	Nguyễn Lê Hồng Ngọc		03/10/1994	<u>[Signature]</u>		7,0	Bảy không	C14QT3	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1210090271	Nguyễn Như Ngọc	28/06/1993			6,0	Sáu không	C14QT3	
34	1210090273	Nguyễn Thị Kim Ngọc	12/08/1994			7,5	Bảy năm	C14QT3	
35	1210090274	Nguyễn Thị Kim Ngọc	12/07/1994			6,5	Sáu năm	C14QT3	
36	1210090276	Nguyễn Tú Hoàng Ngọc	01/03/1994			7,0	Bảy không	C14QT3	
37	1210090283	Đỗ Thị Thảo Nguyên	15/07/1994			5,5	Năm năm	C14QT3	
38	1210090279	Huỳnh Thị Phương Nguyên	03/04/1994			7,5	Bảy năm	C14QT3	
39	1210090282	Nguyễn Thị Nguyên	21/06/1994			7,0	Bảy không	C14QT3	
40	1210090284	Võ Ngọc Xuân Nguyên	21/09/1994			5,0	Năm không	C14QT3	
41	1210090289	Phan Thị Thanh Nhân	15/08/1994			7,0	Bảy không	C14QT3	
42	1110140164	Vũ Thị Nhân	27/02/1992			✓		C13TC2	
43	1210090288	Đoàn Thị Thanh Nhã	02/06/1994			5,5	Năm năm	C14QT3	✓
44	1210090287	Nguyễn Thị Thanh Nhã	14/04/1994			7,0	Bảy không	C14QT3	
45	1210090285	Ngô Thành Nhân	22/09/1994			6,0	Sáu không	C14QT3	
46	1210090286	Phạm Đỗ Trung Nhân	31/12/1994			5,0	Năm không	C14QT3	
47	1210090290	Huỳnh Thị Ngọc Nhi	14/03/1994			4,5	Bốn năm	C14QT3	
48	1210090291	Lê Trần Ý Nhi	15/10/1994			6,5	Sáu năm	C14QT3	
49	1210090292	Mai Thị Oanh Nhi	20/05/1994			7,5	Bảy năm	C14QT3	
50	1210090293	Nguyễn Thị Vân Nhi	10/09/1994			6,5	Sáu năm	C14QT3	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Kế toán tài chính doanh nghiệp - 1104025

Giám thị 1: P. Thuận Ký tên: h

Mã lớp học phần: 110402503

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: V. Phương Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hồng Anh

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 12/12/2014

Giờ thi: 07h30

Phòng thi: A1.10

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210090296	Trương Thị Uyên	Nhi	29/01/1994	<u>Thu</u>		1,5	Một năm	C14QT3	
2	1210090298	Vương Kiều	Nhi	12/03/1994	<u>Jul</u>		7,0	Bảy không	C14QT3	
3	1210090299	Nguyễn Thị	Nhiên	06/06/1994	<u>7</u>		4,0	Bốn không	C14QT3	
4	1210090307	Huỳnh Kim	Nhu	19/11/1994	<u>Thu</u>		4,5	Bốn năm	C14QT3	
5	1210090308	Lê Hoàng	Nhung	13/01/1994	<u>N</u>		6,0	Sáu không	C14QT3	
6	1210090310	Ngô Thị Tuyết	Nhung	15/07/1994	<u>NT</u>		4,0	Bốn không	C14QT3	
7	1210090311	Nguyễn Thị	Nhung	03/02/1993	<u>Quynh</u>		1,5	Một năm	C14QT3	
8	1210090313	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	29/05/1994	<u>Tuyết</u>		7,5	Bảy năm	C14QT3	
9	1210140212	Vũ Lê Kim	Nhung	08/11/1994	<u>Nhung</u>		5,0	Năm không	C14TC2	
10	1210090302	Đỗ Thị Quỳnh	Như	07/03/1994	<u>Do</u>		4,0	Bốn không	C14QT3	
11	1210090300	Huỳnh	Như	13/02/1992	<u>✓</u>		✓	✓	C14QT3	✓
12	1210090301	Nguyễn Thụy Quỳnh	Như	26/06/1994	<u>Nh</u>		4,0	Bốn không	C14QT3	
13	1210090303	Trần Thị Ánh	Như	02/10/1994	<u>Trần</u>		6,5	Sáu năm	C14QT3	
14	1210090304	Triệu Thị Huỳnh	Như	14/10/1993	<u>Như</u>		5,5	Năm năm	C14QT3	
15	1210090306	Lê Thị	Nhút	20/05/1994	<u>Nh</u>		4,0	Bốn không	C14QT3	
16	1210090325	Bùi Thị Mỹ	Nương	25/10/1993	<u>my</u>		5,5	Năm năm	C14QT3	
17	1210090329	Nguyễn Thị	Oanh	25/10/1994	<u>Oanh</u>		4,5	Bốn năm	C14QT3	
18	1210090330	Phan Thị Trúc	Oanh	02/12/1994	<u>Oanh</u>		5,5	Năm năm	C14QT3	
19	1210090331	Vương Ngọc	Oanh	04/12/1994	<u>Oanh</u>		4,5	Bốn năm	C14QT3	
20	1210090332	Cao Minh	Phát	27/02/1994	<u>Phat</u>		3,5	Ba năm	C14QT3	
21	1210090337	Võ Hữu	Phát	23/05/1994	<u>Ho</u>		5,0	Năm không	C14QT3	
22	1210090338	Lê Thị Quý	Phi	15/06/1994	<u>Phi</u>		5,5	Năm năm	C14QT3	
23	1210090340	Nguyễn Ngọc Mạnh	Phi	30/04/1994	<u>Phi</u>		6,0	Sáu không	C14QT3	
24	1210090341	Nguyễn Văn	Phi	20/10/1994	<u>Ph</u>		5,0	Năm không	C14QT3	
25	1210090356	Nguyễn Trung	Phúc	01/01/1994	<u>202</u>		5,5	Năm năm	C14QT3	
26	1210090343	Huỳnh Ái	Phương	31/12/1994	<u>Ph</u>		6,0	Sáu không	C14QT3	
27	1210090344	Lê Thanh	Phương	16/12/1994	<u>Phu</u>		2,0	Hai không	C14QT3	
28	1210090345	Mạch Diễm	Phương	24/04/1994	<u>Phuon</u>		5,5	Năm năm	C14QT3	
29	1210090346	Nguyễn Công	Phương	02/11/1994	<u>Phu</u>		7,0	Bảy không	C14QT3	
30	1210090347	Nguyễn Thanh	Phương	11/12/1994	<u>Phu</u>		7,5	Bảy năm	C14QT3	
31	1210090348	Nguyễn Vũ Đức	Phương	28/04/1994	<u>Phuong</u>		6,5	Sáu năm	C14QT3	
32	1210090349	Phạm Hoàng	Phương	10/01/1994	<u>Phu</u>		6,5	Sáu năm	C14QT3	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1210090350	Phạm Thị Quế Phương	09/11/1994	<i>phuc</i>		6.5	Sáu năm	C14QT3	
34	1210090351	Phạm Thị Thu Phương	22/11/1994	<i>Phuong</i>		4.0	Bốn không	C14QT3	
35	1210090353	Đoàn Văn Phước	16/07/1994	<i>phuc</i>		4.0	Bốn không	C14QT3	
36	1210090342	Nguyễn Thị Tuyết Phượng	27/04/1994	<i>ngk</i>		4.5	Bốn năm	C14QT3	
37	1210140240	Nguyễn Thanh Quang	19/02/1994	<i>Quang</i>		5.5	Năm năm	C14TC2	
38	1110090224	Vũ Trắng Tố Tâm	17/12/1991	<i>✓</i>		✓	✓	C13QT2	✓
39	1110140261	Đoạn Thị Thiên Thư	15/01/1993	<i>Thu</i>		8.0	Tám không	C14TC3	
40	1210090357	Trương Thị Thùy Trang	27/06/1994	<i>Trang</i>		4.0	Bốn không	C14QT3	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.